

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DƯƠNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST  
Ngày 29-01-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Nguyễn Thị Lợi**

**Ông Đỗ Văn Thư**

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại TNHH D; địa chỉ: Số 109 T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Lê P – Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại TNHH D – Chi nhánh Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 16/2020/UQ-GĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020); có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Đại P sinh năm 1979 và bà Vũ Thị Đ sinh năm 1981; đều có nơi cư trú tại: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Bà Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, ngày 15/07/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại TNHH D (gọi tắt là Ngân hàng) do ông Trần Lê P là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Ngân hàng TMCP D – Chi nhánh Hải Phòng (nay chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại TNHH D) và vợ chồng ông Phạm Đại P bà Vũ Thị Đ ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0085/2012/HĐTD/GPB-HP ngày 19/12/2012 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), theo nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho ông P bà Đ vay số tiền là 900.000.000đồng; Mục đích vay vốn: Bỏ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ; Thời hạn: 12 tháng. Thực hiện Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho ông P bà Đ vay số tiền trên theo các khế ước nhận nợ gồm:

Khế ước nhận nợ số 0085.01/2012/KUNN/GPB-HP ngày 27/12/2012 số tiền giải ngân là 360.000.000đồng thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 27/12/2012 đến ngày 27/12/2013, lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 27 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 15%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ; Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 220m<sup>2</sup> thuộc thửa 321 tờ bản đồ số 18 tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp số: 0051/2012/HĐTC/GPB-HP ký ngày 19/12/2012, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P và bà Đ.

Khế ước nhận nợ số 0085.02/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 như sau: Số tiền vay: 540.000.000 đồng; Thời hạn vay: từ ngày 29/01/2013 đến ngày 27/12/2013; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/ 01 lần vào ngày 29 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 16 %/ năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 360m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 326 tờ bản đồ số 18 tại thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp số 0004/2013/HĐTC/GPB-HP ký ngày 29/01/2013, diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn L và vợ là bà Phạm Thị Thanh C.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ trên, ông Phạm Đại P và vợ là bà Vũ Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với Ngân hàng, ngày 27/12/2013 khoản vay trên chuyển nợ quá hạn.

Ngày 04/02/2015 ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Thanh C nộp 500.000.000 đồng trả thay một phần nợ gốc tại Khế ước nhận nợ 0085.02.2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 và giải chấp tài sản thế chấp của

ông L và bà C. Ông P bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc của Kế ước nhận nợ ngày 29/01/2013 là 40.000.000đồng và số tiền nợ gốc 360.000.000đồng của Kế ước nhận nợ ngày 27/12/2012 cùng tiền lãi phát sinh từ các kế ước nhận nợ trên.

Đối với phần nợ gốc còn lại và toàn bộ phần lãi phát sinh ông P bà Đ cam kết sẽ thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 12 tháng kể từ ngày 03/02/2015. Nhưng đến hết thời hạn cam kết ông P và bà Đ chỉ thanh toán được một phần nợ gốc cho Ngân hàng. Ngày 30/09/2016 ông P bà Đ đã bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 220m<sup>2</sup> thộc số thửa 321A tờ bản đồ số 18 tại thôn D, xã L, huyện An Dương cho Ngân hàng xử lý. Trên cơ sở đó Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm này và bán đấu giá được 328.579.635 đồng vào ngày 04/05/2018, số tiền này được thu vào toàn bộ nợ gốc, một phần nợ lãi và ông P bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi của kế ước nhận nợ ngày 27/12/2012 là 298.440.298đồng (trong đó lãi trong hạn 34.346.548 đồng, lãi quá hạn 264.093.750đồng) và kế ước nhận nợ ngày 29/01/2013 là 195.440.689đồng (trong đó lãi trong hạn 65.581.939đồng, lãi quá hạn 129.858.750đồng), tổng số tiền lãi từ các kế ước nhận nợ trên là 493.880.987đồng (trong đó lãi trong hạn là 99.928.487 đồng và lãi quá hạn là 393.952.500đồng). Tổng số tiền ông P bà Đ đã trả cho Ngân hàng gồm 900.000.000đồng nợ gốc và 92.111.869đồng nợ lãi. Từ thời điểm sau khi bán đấu giá tài sản thế chấp cho đến nay mặc dù Ngân hàng đã đơn đốc yêu cầu ông P bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên nhưng ông P bà Đ không thanh toán bất cứ nghĩa vụ nợ nào cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P bà Đ trả số tiền nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Hợp đồng tín dụng số 0085/2012/HDTD/GPB-HP ký ngày 19/12/2012, Kế ước nhận nợ số 0085.01/2012/KUNN/GPB-HP ngày 27/12/2012 và Kế ước nhận nợ số 0085.02/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 với tổng số tiền là 493.880.987 đồng, trong đó lãi trong hạn 99.928.487 đồng và lãi quá hạn 393.952.500 đồng, ngoài số tiền lãi trên thì Ngân hàng không yêu cầu ông P bà Đ trả bất kỳ khoản tiền lãi nào khác từ Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng không đồng ý miễn toàn bộ số tiền nợ lãi nêu trên cho ông P và bà Đ.

*Tại các bản tự khai bị đơn bà Vũ Thị Đ trình bày.*

Bà và chồng là ông Phạm Đại P cùng Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng và các kế ước nhận nợ, đồng thời vợ chồng bà cùng vợ chồng ông Long bà Châm cũng ký các hợp đồng thế chấp như lời trình bày của Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng bà vay số tiền 900.000.000 đồng. Do việc kinh doanh của ông P gặp khó khăn bị khách hàng nợ đọng tiền vốn nên vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, cụ thể vợ chồng bà đã trả hết nợ gốc 900.000.000 đồng và một phần tiền lãi như lời khai của Ngân hàng. Bà Đ xác nhận hiện vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng số tiền 493.880.987 đồng, trong đó lãi trong hạn 99.928.487 đồng và lãi quá hạn 393.952.500 đồng. Hiện tại tài sản là nhà đất của vợ chồng đã được bàn giao cho Ngân hàng bán để trả nợ, vợ chồng bà phải đi

ở nhờ, hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả số nợ trên cho Ngân hàng và bà đề nghị Ngân hàng miễn số tiền nợ trên cho vợ chồng bà.

Bị đơn ông Phạm Đại P không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Vũ Thị Đ đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Phạm Đại P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi 493.880.987 đồng, trong đó lãi trong hạn là 99.928.487 đồng và lãi quá hạn là 393.952.500 đồng. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Vũ Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Đại P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được, xét hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0085/2012/HĐTD/GPB-HP ngày 19/12/2012 và các khế ước nhận nợ ngày 27/12/2012, ngày 29/01/2013 đã ký giữa Ngân hàng và ông Phạm Đại P bà Vũ Thị Đ đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp

luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ là giải ngân cho ông P bà Đ vay số tiền 900.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 0085.01/2012/KUNN/GPB-HP ngày 27/12/2012 và khế ước nhận nợ số 0085.02.2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013. Ông P bà Đ đã nhận đủ số tiền vay nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 16/5/2015 ông P bà Đ đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng và 92.111.869 đồng nợ lãi và còn nợ tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn. Do ông P bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện đòi số tiền nợ lãi là có căn cứ.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P bà Đ đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn và lãi quá hạn từ ngày 27/12/2013 nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông P bà Đ phải trả khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Đại P không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, căn cứ vào lời khai bà Vũ Thị Đ, lời khai của Ngân hàng và tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp về số dư nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo hợp Hồng tín dụng hai bên đã ký, có căn cứ xác định tính đến ngày 28 tháng 01 năm 2021 bà Đ và ông P còn nợ Ngân hàng số tiền nợ lãi là 493.880.987 đồng, trong đó lãi trong hạn là 99.928.487 đồng và lãi quá hạn là 393.952.500 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông P và bà Đ trả số tiền nợ lãi 493.880.987 đồng, ngoài số tiền lãi trên thì Ngân hàng không yêu cầu ông P bà Đ phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào khác từ Hợp đồng tín dụng đã ký. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông P bà Đ trả số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn 493.880.987 đồng từ Hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc ông P và bà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi là 493.880.987 đồng. Đối với quan điểm của bà Vũ Thị Đ đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số tiền nợ lãi nhưng Ngân hàng không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận,

- Về án phí:

[6] Ông P và bà Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Toà án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 355, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 4, các điều 90, 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH D đối với ông Phạm Đại P và bà vũ Thị Đ, buộc: Ông Phạm Đại P và bà Vũ Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TNHH D số tiền nợ lãi tình đến ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0085/2012/HĐTD/GPB-HP ngày 19 tháng 12 năm 2012 là 493.880.987 đồng (Bốn trăm chín mươi ba triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng), trong đó lãi trong hạn là 99.928.487 đồng và lãi quá hạn là 393.952.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (Ngân hàng Thương mại TNHH D) cho đến khi thi hành án xong, ông P bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm Đại P và bà Vũ Thị Đ chịu 23.755.239 đồng (Hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 11.878.000 đồng (Mười một triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 0012822 ngày 14 tháng 10 năm 2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**

